

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

### **Tình hình thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2844/UBND-KGVX ngày 21/6/2023 tiếp tục rà soát, báo cáo tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh (*sau đây gọi tắt là Chương trình*), như sau:

## PHẦN MỞ ĐẦU

### **1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội, dân số, dân tộc, vùng dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn tỉnh.**

**1.1. Điều kiện tự nhiên:** Tỉnh Quảng Ngãi có địa hình tương đối phức tạp, có xu hướng thấp dần từ tây sang đông với các dạng địa hình đồi núi, đồng bằng ven biển, phía tây của tỉnh là sườn Đông của dãy Trường Sơn, tiếp đến là địa hình núi thấp và đồi xen kẽ đồng bằng, có nơi núi chạy sát biển. Khí hậu ở Quảng Ngãi là khí hậu nhiệt đới và gió mùa, nên nhiệt độ cao và ít biến động. Chế độ ánh sáng, mưa ẩm phong phú, nhiệt độ trung bình 25-26,9°C. Khí hậu nơi đây phân hóa thành 2 mùa rõ rệt, gồm có mùa mưa và mùa nắng. Đất đai trong địa bàn tỉnh được chia làm 9 nhóm đất chính với 25 đơn vị đất và 68 đơn vị đất phụ. Các nhóm đất chính là cồn cát, đất cát ven biển, đất mặn, đất phù sa, đất giây, đất xám, đất đỏ vàng, đất đen, đất nứt nẻ, đất xói mòn trơ trọi đá, trong đó, nhóm đất xám có vị trí quan trọng với hơn 74,65% diện tích đất tự nhiên, thích hợp với cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản, dược liệu, chăn nuôi gia súc và nhóm đất phù sa thuộc hạ lưu các sông chiếm 19,3% diện tích đất tự nhiên, thích hợp với trồng lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, rau đậu... Đất Quảng Ngãi có thành phần cơ giới nhẹ, hơi chặt, thích hợp với trồng mía và các cây công nghiệp.

### **1.2. Tình hình kinh tế - xã hội**

a) Lĩnh vực kinh tế:

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 57.605 tỷ đồng<sup>1</sup>, tăng 8,08% so với cùng kỳ<sup>2</sup>. Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,19%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 8,32%; khu vực dịch vụ tăng 10,83%; khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,38%.

- Về phát triển công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 ước đạt 109,6% so với năm 2021, tăng 6,6% so với kế hoạch năm. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 129.042 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2021, tăng 0,6% kế hoạch năm; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp ngoài dầu ước đạt 53.077 tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm 2021, tăng 1,5% kế hoạch năm.

- Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường:

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)* năm 2022 ước đạt 64.697 tỷ đồng, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021, vượt 17,6% kế hoạch năm.

*Kim ngạch xuất khẩu* năm 2022 ước đạt 2.158 triệu USD, tăng 20% so với năm 2021, vượt 16% kế hoạch năm<sup>3</sup>. *Kim ngạch nhập khẩu* ước đạt 3.490 triệu USD, tăng 31,4% so với cùng kỳ.

*Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt)*: Doanh thu vận tải và dịch vụ vận tải ước đạt 4.339 tỷ đồng, tăng 40,6% so với năm 2021, vượt 35,8% kế hoạch năm.

*Tín dụng ngân hàng*: Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 75.267 tỷ đồng, tăng 12,24% so với cuối năm 2021; tổng dư nợ cho vay ước đạt 64.594 tỷ đồng, tăng 12,65%.

- Về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản:

*Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản* ước đạt 18.152 tỷ đồng, tăng 2,0% so với cùng kỳ, bằng 99,6% kế hoạch năm.

*Về trồng trọt*: Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 84.823 ha, tăng 1,8% so với cùng kỳ; sản lượng lương thực ước đạt 493.053 tấn, giảm 1,5%<sup>4</sup>; trong đó: Cây lúa: Diện tích gieo trồng ước đạt 74.783 ha, năng suất bình

<sup>1</sup> Giá so sánh 2010 theo số liệu Tổng cục Thống kê thông báo tại Công văn số 2022/TCTK-TKQG ngày 30/11/2022.

<sup>2</sup> Về quy mô GRDP theo giá hiện hành đạt 121.668 tỷ đồng xếp thứ 4 so với 14 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ và thứ 2 so với 05 tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

<sup>3</sup> Nguyên nhân là các doanh nghiệp đã tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới được thực thi một cách toàn diện hơn, hiệu quả hơn, nhất là Hiệp định Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Một số sản phẩm mới được xuất khẩu trong năm như: ghế sofa xuất khẩu sang thị trường Singapore của Công ty TNHH Oucanyon Furniture Việt Nam; trồng mắt kính, khuôn trồng mắt kính của Công ty TNHH Hoya Lens Việt Nam đi thị trường Thái Lan, Mỹ, Trung Quốc, Hungary, Nhật Bản, Italy, Đức. Một số doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu như: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi mở rộng thị trường Nhật Bản - Hàn Quốc; Công ty TNHH Hệ thống Điện GE Việt Nam mở rộng thị trường Đài Loan- Malaysia - Nga - Hàn Quốc; Công ty TNHH Mensa Industries mở rộng thị trường các nước châu Á, châu Mỹ.

<sup>4</sup> Sản xuất nông nghiệp năm 2022 gặp nhiều bất lợi về thời tiết do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc kết hợp với không khí lạnh tăng cường, từ ngày 30/3/2022 đến ngày 01/4/2022 trên toàn tỉnh có mưa to đến rất to làm ngập

quân ước đạt 58,2 tạ/ha, sản lượng ước đạt 435.841 tấn; Cây ngô: Diện tích gieo trồng ước đạt 9.981 ha, năng suất bình quân ước đạt 57,3 tạ/ha, sản lượng ước đạt 57.212 tấn. Xây dựng 109 cánh đồng mẫu lớn, với tổng diện tích 1.765,5 ha. Đất trồng lúa chuyển sang trồng cây trồng cạn ước thực hiện 582 ha<sup>5</sup>; chuyển đổi từ đất trồng sắn sang trồng cây trồng cạn hàng năm ước đạt 365,1 ha<sup>6</sup> với các loại cây như: Ngô lấy hạt, ngô sinh khối, lạc, rau các loại, cỏ chăn nuôi.

*Về chăn nuôi:* Nhìn chung đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định. Tỉnh xác định sản phẩm chăn nuôi hàng hóa chủ lực của địa phương là bò thịt và trâu thịt; định hướng phát triển chăn nuôi theo vùng đạt kết quả khả quan, việc chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực, thịt hơi xuất chuồng ước đạt 86.937 tấn, tăng 3,8% so với năm 2021, đạt 101,1% kế hoạch năm.

Trong năm, bệnh dịch tả lợn Châu Phi<sup>7</sup> và bệnh viêm da nổi cục ở trâu bò<sup>8</sup> xảy ra tại một số địa phương, gây thiệt hại cho người dân. Các bệnh thông thường như: Tụ huyết trùng, dịch tả, phó thương hàn, tiêu chảy ở vật nuôi xảy ra rải rác, nhỏ lẻ đã được bao vây dập tắt không để lây lan diện rộng.

*Về lâm nghiệp:* Diện tích trồng mới rừng tập trung ước đạt 28.509 ha, tăng 3,8% so với năm 2021, vượt 17,1% kế hoạch năm; sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng ước đạt 2.250.943 m<sup>3</sup>, tăng 5,5%; tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 51,75%, tương đương so với cùng kỳ năm 2021. Tổ chức 506 đợt truy quét, 737 đợt kiểm tra, 2.797 đợt tuần tra quản lý bảo vệ rừng; phát hiện 194 vụ vi phạm, xử lý và thu nộp ngân sách 1.805 triệu đồng; xảy ra 19 vụ phá rừng, thiệt hại 2,89 ha; xảy ra 01 vụ cháy rừng, thiệt hại 2,78 ha.

*Thủy sản:* Sản lượng thủy sản ước đạt 277.272 tấn, tăng 1,7% so với năm 2021, vượt 1,2% kế hoạch năm. Trong đó: Sản lượng đánh bắt 268.767 tấn, tăng 1,7%; sản lượng nuôi trồng 8.505 tấn<sup>9</sup>, tăng 1,6%.

- Thu, chi ngân sách:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 34.167 tỷ đồng, tăng 44,7% so với năm 2021, vượt 78% dự toán Trung ương giao và vượt 40,4% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó: Thu nội địa 23.084 tỷ đồng<sup>10</sup>, tăng 50,8% và vượt

ứng, đồ ngã một số diện tích lúa vụ Đông Xuân đang trong giai đoạn chuẩn bị thu hoạch, ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân và một số loại cây trồng khác và gần đây nhất là bão số 4, mưa, lũ ngày 10, 11/10/2022.

<sup>5</sup> Trong đó: cây ngô: 158,7ha, cây lạc: 116,4ha, cây rau các loại: 89,5ha, cây đậu các loại: 20ha, cây cỏ chăn nuôi: 72ha, cây khác: 123,4ha, cây ăn quả: 2ha.

<sup>6</sup> Trong đó: cây ngô: 112ha, cây lạc: 79,4ha, cây rau các loại: 54ha, cây đậu các loại: 14ha, cây cỏ chăn nuôi: 26,5ha, cây khác: 52,3ha, cây ăn quả: 13,8ha, cây keo: 10,0ha.

<sup>7</sup> Dịch bệnh xảy ra tại 140 cơ sở chăn nuôi nông hộ tại 87 thôn thuộc 50/173 xã, phường, thị trấn của 10/13 huyện, thị xã, thành phố với tổng số con mắc bệnh và chết 2.167 con/88.982 tấn.

<sup>8</sup> Dịch bệnh xảy ra tại 954 cơ sở chăn nuôi nông hộ tại 231 thôn thuộc 77/173 xã, phường, thị trấn của 08/13 huyện, thị xã, thành phố, với 1.112 con bò mắc bệnh, làm chết 262 con/25,1 tấn.

<sup>9</sup> Sản lượng tôm nuôi ước đạt 5.589 tấn, giảm 1,39% so với năm 2021.

<sup>10</sup> Trong đó: Thu từ NMLD Dung Quất ước đạt 14.940 tỷ đồng, tăng 74,4% so với năm 2021, vượt 88,3 dự toán; Thu tiền sử dụng đất ước đạt 2.126 tỷ đồng, tăng 127,6% so với năm 2021, bằng 67,7% dự toán; Các khoản thu còn lại ước đạt 6.018 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2021, vượt 6% dự toán.

37,8% dự toán; thu hoạt động xuất nhập khẩu 11.000 tỷ đồng<sup>11</sup>, tăng 33,2% và vượt 46,7% dự toán; thu vay vốn để bù đắp bội chi 83,1 tỷ từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán.

Chi ngân sách địa phương ước khoảng 16.091 tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2021 và bằng 96,9% dự toán, trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 4.249 tỷ đồng, tăng 68,5% và bằng 100% dự toán; chi thường xuyên ước đạt 9.509 tỷ đồng, tăng 7,4% và vượt 8,8% dự toán; chi các chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 2.315 tỷ đồng, tăng 5,6% và vượt 50% dự toán. Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Lĩnh vực văn hóa, xã hội:

- *Giáo dục và đào tạo:*

Thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ năm học 2021-2022 và triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023<sup>12</sup>. Tổ chức tốt các kỳ thi tuyển vào lớp 10, tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022, kỳ thi học sinh giỏi và giáo viên dạy giỏi các cấp; thi tuyển dụng giáo viên nhằm bổ sung số lượng giáo viên thiếu hụt trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các tổ chức quốc tế triển khai nhiều dự án giáo dục và đào tạo hiệu quả<sup>13</sup>. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả giai đoạn 2 của Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh. Phê duyệt và triển khai phương án mua sắm thiết bị máy tính bảng cấp cho học sinh trên địa bàn tỉnh thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

Ngành giáo dục đã triển khai đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6 và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức dạy học đối với lớp 7, lớp 10 trong năm học 2022-2023. Có 13/13 huyện, thị xã, thành phố duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt phổ cập giáo dục THCS, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Có 05/13 huyện đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 1; 08/13 huyện đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 2; tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1. Có 114/208 trường Mầm non (*tỷ lệ 54,80%*); 128/153 trường Tiểu học (*tỷ lệ 83,66%*); 115/130

<sup>11</sup> Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Cty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất với số thu dự kiến khoảng 7.620 tỷ đồng và thu từ dầu thô nhập khẩu của Cty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn khoảng 3.373 tỷ đồng.

<sup>12</sup> Toàn tỉnh có 591 trường học, trung tâm. Trong đó có: 208 trường mầm non; 155 trường tiểu học; 130 trường THCS; 52 trường TH&THCS; 39 trường THPT và 01 trường liên cấp thành phố giáo dục quốc tế IEC - Quảng Ngãi; 05 trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp huyện, thị xã.

<sup>13</sup> Dự án: “Chương trình Giáo dục mầm non giai đoạn 2017-2021” do Tổ chức hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật Vùng Fla-măng, Vương quốc Bỉ (VVOB) tài trợ tại 05 huyện miền núi; Tổ chức OneSky triển khai Dự án: “Hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi”; Dự án “Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu” (QIPEDC) do Quỹ hợp tác toàn cầu về tài trợ đầu ra (GPRBA) viện trợ không hoàn lại ủy thác thông qua Ngân hàng Thế giới; Dự án “IPLAY Việt Nam - Lồng ghép các hoạt động học thông qua chơi cho học sinh tiểu học” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do Tổ chức VVOB Việt Nam tài trợ; Chương trình thư viện thân thiện của Dự án Room to read.

trường Trung học cơ sở (tỷ lệ 88,46%); 18/52 trường 02 cấp học TH-THCS (tỷ lệ 34,6%); 26/39 trường THPT (tỷ lệ 66,67%) đạt chuẩn quốc gia.

- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân; kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống truyền thông giáo dục sức khỏe từ tỉnh đến cơ sở, đầu tư trang bị các phương tiện cần thiết để hoạt động đạt hiệu quả. Triển khai thực hiện đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử; hệ thống Hội chẩn từ xa, kết nối giữa các bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện tuyến trung ương. Thành lập và đưa vào hoạt động Bệnh viện Nội tiết với quy mô ban đầu 35 giường nội trú. Tiếp tục triển khai Đề án về Xã hội hoá y tế; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân, các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo tăng cường thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người”, đảm bảo đúng thời gian yêu cầu; đẩy mạnh công tác truyền thông cho người dân về lợi ích tiêm liều bổ sung, liều nhắc lại vắc xin phòng Covid-19, đảm bảo tất cả người dân đều được tiêm chủng đầy đủ<sup>14</sup>.

Đến hết năm 2022, có 154/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 89,02%; số giường bệnh/vạn dân đạt 30,2 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 7,75; tỷ lệ người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế đạt 95,12%.

- Công tác lao động, thương binh và xã hội; dân tộc và miền núi:

Công tác lao động, việc làm và thực hiện chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tổ chức nhiều hoạt động đền ơn đáp nghĩa và Lễ Kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2022). Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm được nâng cao, số lao động có việc làm tăng sau tư vấn; hỗ trợ các doanh nghiệp khôi phục lại hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm<sup>15</sup>. Tăng cường hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng và hướng nghiệp cho người lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 61,43%.

Thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc đối tượng ưu đãi người có công với cách mạng, kịp thời chi trả các khoản trợ cấp ưu đãi thường xuyên hàng tháng cho đối tượng người có công và thân nhân người có công<sup>16</sup>. Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện.

Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022

<sup>14</sup> Đến 15/12/2022: đã tiêm chủng vắc xin Covid-19 mũi 1, mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 100%, mũi nhắc lại lần 1 đạt 83,1%; mũi nhắc lại lần 2 đạt 100%. Đối với tiêm vắc xin cho trẻ từ 12-17 tuổi mũi 1, mũi 2 đạt 100%; mũi nhắc lại lần 1 đạt 48,6%. Đối với tiêm vắc xin cho trẻ từ 5-11 tuổi mũi 1 đạt 84,9%, mũi 2 đạt 60%.

<sup>15</sup> Kết nối, khai thác thông tin của 312 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh với 17.000 việc làm; tư vấn việc làm, học nghề cho 3.500 lượt người người, thực hiện giới thiệu việc làm cho 10.000 lao động

<sup>16</sup> Trong năm 2022, đã giải quyết cho 1.937 trường hợp hưởng chế độ trợ cấp chính sách người có công theo quy định; kịp thời chi trả cho 91.506 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội

về công tác dân tộc; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tương đối ổn định. Các chế độ, chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định<sup>17</sup>.

- Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

*Các hoạt động văn hóa, văn nghệ* diễn ra sôi nổi, có nhiều điểm mới cả về quy mô, hình thức, chất lượng; tổ chức 100 buổi văn nghệ kết hợp tuyên truyền lưu động, 40 buổi biểu diễn nghệ thuật; các Hội thi, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh thu hút nhiều người dân tham gia. Tham gia Liên hoan diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên lần thứ III - năm 2022 đạt một giải A và ba giải B.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng; triển khai thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đến năm 2030; xây dựng hồ sơ di tích cấp quốc gia đối với di tích Đền thờ anh hùng dân tộc Trương Định và hồ sơ bảo vật quốc gia đối với hiện vật Trống đồng Đông Sơn; thực hiện chỉnh lý trưng bày Nhà trưng bày Vụ thám sát Sơn Mỹ; hoàn chỉnh hồ sơ di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở và được các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên.

*Các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng* được tổ chức sôi nổi từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp tỉnh năm 2021-2022; tổ chức thành công 22 giải thể thao cấp tỉnh. Các đội tuyển và đội trẻ đã tham gia 27/27 giải thể thao toàn quốc, đạt 106<sup>18</sup> huy chương; các đội năng khiếu thể thao đã tham gia 10/10 giải toàn quốc, đạt 13 huy chương. Đăng cai tổ chức thành công 04<sup>19</sup> giải thể thao quốc gia, phối hợp tổ chức tốt cuộc đua xe đạp toàn quốc tranh cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022.

*Về du lịch:* Hoạt động du lịch được phục hồi, triển khai hiệu quả các hoạt động liên kết, xúc tiến du lịch và tổ chức Hội nghị sơ kết diễn đàn phát triển Du lịch giữa Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2022. Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 khóa XX về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phê duyệt Đề án Xây dựng Chương trình định vị và phát triển thương hiệu du lịch Quảng Ngãi đến năm 2025, nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch

<sup>17</sup> Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg; Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số...

<sup>18</sup> Trong đó: có 33 huy chương vàng, 26 huy chương bạc và 47 huy chương đồng.

<sup>19</sup> Giải vô địch Vovinam các đội mạnh toàn quốc; Giải vô địch các câu lạc bộ Dù lượn quốc gia lần thứ II - năm 2022; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XII, khu vực II năm 2021; Giải Bóng chuyền hạng A quốc gia năm 2022 (vòng bảng).

Quảng Ngãi phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam, gắn liền với định hướng phát triển thương hiệu vùng duyên hải miền Trung, đồng thời cải thiện vị thế của Quảng Ngãi trong bức tranh du lịch vùng và cả nước.

Đến cuối năm 2022, khách du lịch đến Quảng Ngãi ước đạt 650.000 lượt người, tăng gấp 2,2 lần so với cùng kỳ và đạt 90,3% so với kế hoạch. Doanh thu ước đạt 700 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ và đạt 71,1% so với kế hoạch.

- Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình:

Công tác thông tin và truyền thông được tăng cường. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Đề án 06<sup>20</sup> ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 19-CT/TU<sup>21</sup> ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 20/6/2022 về phát triển nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025...

Mạng viễn thông cung cấp dịch vụ tới 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; 100% xã được phủ sóng điện thoại di động, đảm bảo cung cấp kết nối mạng mọi lúc, mọi nơi. Hệ thống công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin đã thực hiện quang hóa 100% hạ tầng đường truyền tới các cơ quan, đơn vị, huyện, thị xã, thành phố; cung cấp thiết bị truyền tải băng rộng, thiết bị truy nhập đảm bảo hạ tầng đáp ứng quá trình xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử; 100% các cơ quan nhà nước các cấp đã trang bị máy tính. Trung tâm dữ liệu của tỉnh được xây dựng, nâng cấp và làm chủ công nghệ điện toán đám mây, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp. Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi được khai trương làm tiền đề triển khai các dự án, đề án về đô thị thông minh của tỉnh. Hệ thống hợp trực tuyến được đầu tư kết nối và được sử dụng thường xuyên từ Chính phủ đến cấp xã. Hệ thống Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện tích hợp, cung cấp 459 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công Quốc gia<sup>22</sup>; triển khai thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06.

- Khoa học và công nghệ:

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, an

<sup>20</sup> Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>21</sup> Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>22</sup> Theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường. Tiếp tục theo dõi, quản lý 35 nhiệm vụ khoa học và công nghệ<sup>23</sup>; thực hiện thẩm định công nghệ, thiết bị cho 49 dự án đầu tư; cấp 16 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho cơ sở đủ điều kiện; hướng dẫn 30 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

c) Lĩnh vực quốc phòng, an ninh:

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác tuyển quân được triển khai thực hiện tốt, đạt 100% chỉ tiêu giao. Tổ chức thành công thực hành diễn tập khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự tỉnh năm 2022, diễn tập khu vực phòng thủ tại 04 địa phương trong tỉnh.

Quán triệt và thường xuyên chỉ đạo thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Kịp thời chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự. Triển khai nhiều biện pháp, giải pháp phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thực hiện hiệu quả công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Mở 10 đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; điều tra khám phá 313/363 vụ phạm tội về trật tự xã hội, bắt và xử lý 806 đối tượng. Xảy ra 184 vụ tai nạn giao thông, làm chết 102 người, bị thương 149 người, thiệt hại tài sản khoảng 596 triệu đồng.

**1.3. Dân số, dân tộc:** Dân số tỉnh Quảng Ngãi có 1.404.940 khẩu/374.573 hộ; dân tộc thiểu số là 187.090 người, chiếm 13,32% tổng dân số toàn tỉnh, trong đó: Dân tộc H're là 133.104 người, dân tộc Co là 33.227 người, dân tộc Ca Dong là 19.689 người và 1.070 người thuộc các dân tộc thiểu số khác. Theo kết quả phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025; có 02 huyện miền núi là huyện nghèo.

**1.4. Vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh** có 61 xã (gồm: 06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III) và 241 thôn (gồm: 235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBKK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS&MN) thuộc 05 huyện miền núi và các huyện đồng bằng: Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành.

## 2. Khái quát công tác dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn 2021-2025.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp, các ngành. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX đã xác định đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi là một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2020-2025; Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/8/2021 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; Ban Thường vụ

<sup>23</sup> Trong đó có 09 nhiệm vụ cấp nhà nước, 23 nhiệm vụ cấp tỉnh chuyển tiếp từ năm 2021 sang; 01 nhiệm vụ về quy gen giai đoạn 2021-2025; 02 nhiệm vụ cấp cơ sở.



Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 về công tác dân tộc; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy; ban hành Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; đồng thời đưa vào Chương trình công tác năm 2022 của UBND tỉnh về thực hiện công tác dân tộc đặc biệt trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành khác về thực hiện công tác dân tộc. Thực hiện Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh; các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cũng đã ban hành các Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để triển khai thực hiện.

- Về thực hiện công tác Dân tộc và chính sách Dân tộc: được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời bao gồm các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo<sup>(24)</sup> và các chính sách đặc thù của địa phương<sup>(25)</sup>. Nhìn chung, công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn được sự quan tâm lớn của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời; quyền, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc như: đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo đều được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

### **3. Khái quát việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và nguyên tắc lồng ghép giới xuyên suốt trong tổ chức triển khai thực hiện dự án, tiểu dự án của Chương trình:**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ

<sup>(24)</sup> Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Chính sách đối người có uy tín trong đồng bào DTTS; Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 – 2025; Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình truyền thông bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số; Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2019-2021 theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019; Chương trình phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông

<sup>(25)</sup> Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán; Chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 28/9/2022 triển khai Dự án 8 giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 và Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 28/9/2022 triển khai Dự án 8 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ cũng đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới<sup>(26)</sup>

- Công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị vùng DTTS&MN được xem là một trong những nội dung quan trọng, then chốt, tạo cơ hội cho phụ nữ phát huy trình độ năng lực, kinh nghiệm, thể hiện quan điểm trong quyết định các chính sách. Thông qua đó, góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho việc thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực đời sống xã hội; phụ nữ đóng vai trò ngày càng tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN. Trong những năm qua, các đơn vị quản lý về lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động đã kịp thời có các giải pháp để tạo sự bình đẳng cho lao động nữ trong quá trình tham gia vào thị trường lao động. Hiện nay, nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh; các chính sách phát triển văn hóa - xã hội: Ngày càng được triển khai theo hướng tạo được nhiều cơ hội, bảo đảm việc tiếp cận thông tin và nhu cầu thưởng thức văn hóa, văn nghệ của phụ nữ, công tác tuyên truyền trợ giúp Pháp lý cho phụ nữ đã được các cấp, các ngành quan tâm.

Bên cạnh đó, công tác phụ nữ và bình đẳng giới vẫn còn những hạn chế do một số hủ tục và nhận thức một số người dân vùng đồng bào DTTS như: Phải có con trai để nối dõi; không được tham gia họp bàn, quyết định hay được làm những công việc có ý nghĩa trọng đại ở gia đình cũng như trong cộng đồng; việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế, tỷ lệ nữ có bảo hiểm y tế (tính trong số người khám chữa bệnh) tuy tăng lên qua các năm nhưng thấp hơn nam giới; tình trạng tảo hôn ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, đời sống của những em gái, hiện tượng tái mù chữ còn xảy ra khá phổ biến, nhất là ở một số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa; định kiến giới còn tồn tại trong nhân dân (nhất là vùng nông thôn, vùng miền núi) gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại địa phương.

---

<sup>(26)</sup> Kế hoạch số 361/KH-BDT ngày 06/6/2022 của Ban Dân tộc tỉnh; Hội Phụ nữ tỉnh ban hành: Quyết định số 81/QĐ-BTV, ngày 7/11/2022 về thành lập Ban Điều hành Dự án 8; Quyết định số 82/QĐ-BTV, ngày 7/11/2022 về Ban hành Quy chế làm việc của Ban Điều hành Dự án 8; Quyết định số 83/QĐ-BTV, ngày 7/11/2022 về thành lập Tổ giúp việc Ban Điều hành Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn: 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

## Phần 1

### CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

#### I. VỀ ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

**1. Số thôn, xã, huyện thụ hưởng Chương trình:** được thực hiện trên địa bàn 05 huyện miền núi<sup>(27)</sup> và 03 huyện có vùng đồng bào DTTS<sup>(28)</sup> bao gồm Có 61 xã (06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III) và 241 thôn ĐBKK (có 235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBKK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS&MN)<sup>(29)</sup>

**2. Đặc điểm tự nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi..., trên địa bàn thực hiện Chương trình:** 05 huyện miền núi ở phía Tây của tỉnh Quảng Ngãi, có địa hình phức tạp, hiểm trở, đồi núi có độ dốc cao, thung lũng hẹp, bị chia cắt bởi nhiều sông suối. Các huyện miền núi nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng Tây Nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ, có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô, nhiệt độ trung bình trong năm khoảng 27°C.

#### 3. Tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn thực hiện Chương trình:

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS và MN) của tỉnh gồm 61 xã, 08 thôn thuộc 05 huyện miền núi và các huyện đồng bằng (gồm: Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành); theo kết quả phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi theo trình độ phát triển, toàn vùng có 06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III với 241 thôn (gồm: 235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBKK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS và MN), có 02 huyện nghèo là Trà Bồng và Sơn Tây.

- Về kinh tế: Trong những năm qua, kinh tế vùng đồng bào DTTS và MN tiếp tục tăng trưởng; mục tiêu giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt, đầu năm 2023, toàn vùng đồng bào DTTS và MN có 19.827 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 30,27% và giảm 5,37% so với đầu năm 2022 và đạt mục tiêu đề ra 4%/năm; có 9.814 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 13,99%; có 05 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa; 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng.

<sup>(27)</sup> Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long.

<sup>(28)</sup> Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.

<sup>(29)</sup> Được phê duyệt tại và Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021

- Về giáo dục: Toàn vùng có 07 trường PTDTNT (01 trường THPT DTNT tỉnh và 06 trường THCS DTNT huyện ở 05 huyện miền núi) với tổng chỉ tiêu học sinh DTNT là 1.900 học sinh; và 32 trường PTDTBT (TH: 06 trường; TH-THCS: 17 trường; THCS: 09 trường) với tổng số học sinh 10.345 học sinh; 100% xã có trường, lớp mầm non chuẩn quốc gia, tỷ lệ trẻ mầm non ra lớp đạt 92,96%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ học 2 buổi/ngày và tỷ lệ được ăn tại trường tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm nhiều so với các năm trước. Tại 05 huyện miền núi có 16/71 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 22,53%); có 18/35 trường tiểu học đạt chuẩn (tỷ lệ 51,42%); có 22/70 trường THCS đạt chuẩn (tỷ lệ 31,42%) và 4/10 trường THPT đạt chuẩn (tỷ lệ 40,00%) đạt chuẩn.

- Về y tế: Công tác y tế được triển khai thực hiện toàn diện, đầy đủ và hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế; phòng, chống HIV/AIDS; Vệ sinh an toàn thực phẩm, Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Dự án Vệ sinh nông thôn thuộc CTMTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các hoạt động y tế do ngành y tế quản lý. Mạng lưới y tế cơ sở ngày càng được củng cố và hoàn thiện, 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, cơ cấu cán bộ được đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đạt 27,75%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,51)...

- Về văn hóa: Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã chăm lo cho phát triển đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào DTTS có hiệu quả, các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư, quản lý và sử dụng có hiệu quả, các phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của đồng bào được giữ gìn và phát huy, đời sống tinh thần, sinh hoạt cộng đồng của đại đa số đồng bào các DTTS ở miền núi được quan tâm phát huy, các nghệ nhân ưu tú được trao đổi nâng cao trình độ để gìn giữ lưu truyền các làng nghề, nét văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ

- Về an ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Các cấp, các ngành, các địa phương chủ động nắm bắt tình hình an ninh, trật tự xã hội. Tuy nhiên, cũng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp của các thế lực thù địch, các tà giáo, mị dân...

## II. VỀ NỘI DUNG CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN

1. Số các dự án, tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình thực hiện trên địa bàn tỉnh là 10 Dự án, 12 Tiêu dự án và các nội dung thành phần (*cụ thể theo phụ lục số 05*).

2. Về nguồn vốn thực hiện: Tổng vốn ngân sách Nhà nước đã giao trong năm 2022 và năm 2023 là 1.070.032 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển là 542.086 triệu đồng (*trong đó: ngân sách Trung ương là 500.832 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 41.254 triệu đồng*); vốn sự nghiệp là 527.946 triệu đồng (*trong đó: ngân sách Trung ương là 473.950 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 53.996 triệu đồng*), cụ thể:

- Năm 2022: Tổng kế hoạch vốn giao là 370.190 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển là 241.924 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 218.108 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 23.816 triệu đồng*); vốn sự nghiệp là 128.266 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 114.385 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 13.881 triệu đồng*).

- Năm 2023: Tổng kế hoạch vốn giao là 699.842 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển là 300.162 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 282.724 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 17.438 triệu đồng*); vốn sự nghiệp là 399.680 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 359.565 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 40.115 triệu đồng*).

(*cụ thể theo phụ lục số 02*).

## III. VỀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Đánh giá về các văn bản hướng dẫn do Trung ương ban hành để triển khai thực hiện các dự án, tiêu dự án: Hiện nay, hầu hết các văn bản của Trung ương hướng dẫn thực hiện Chương trình đã được ban hành; tuy nhiên, một số nội dung còn vướng mắc, chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp thẩm quyền nên chưa triển khai thực hiện được (*cụ thể theo phụ lục số 01*)

### Phần 2

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

### I. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY THỰC HIỆN

**1. Đánh giá về việc tổ chức bộ máy, thành lập ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình ở địa phương.**

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; 02 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Phó Trưởng ban; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Trưởng

ban Ban Dân tộc tỉnh là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 quy định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

- Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình đã Quyết định thành lập BCĐ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện phân công nhiệm vụ cho Trưởng phòng Dân tộc là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện có tổ chức phòng Dân tộc); Chánh Văn phòng huyện là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện không tổ chức phòng Dân tộc).

**2. Đánh giá về việc xây dựng và ban hành quy chế thực hiện, phân công phân nhiệm, phối hợp thực hiện Chương trình giữa cơ quan bộ, ngành trung ương và địa phương /phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện Chương trình. Công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật.**

a) Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình: Tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và Hội đoàn thể tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; UBND các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần cấp tỉnh; các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần tổng hợp báo cáo cho cơ quan Thường trực Chương trình.

b) Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi quy định rõ công tác lập và giao kế hoạch thực hiện các Chương trình, phân công, phân cấp tổ chức quản lý thực hiện, phối hợp trong quản lý điều hành, công khai thông tin về chương trình.

c) Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực: Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết Số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, đã quy định cụ thể nguyên tắc, cơ chế, cách thức và trình tự thực hiện, quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán..., các nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

d) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Được thực hiện theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ ngành TW và các quy định hiện hành của Nhà nước.

e) Thông tin, truyền thông, vận động: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025; trên cơ sở đó, các Sở ngành và UBND các huyện đã ban hành kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình. Trong thời gian qua, Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện đã chủ động, phối hợp triển khai công tác tuyên truyền thường xuyên, rộng khắp bằng nhiều hình thức trực quan như pa nô, phóng sự trên đài truyền hình, trang tin trên Báo Quảng Ngãi, tuyên truyền trên các Hội nghị... nhằm tuyên truyền sâu rộng, giúp người dân vùng đồng bào DTTS&MN hiểu được ý nghĩa của Chương trình và quan điểm đúng đắn của Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc trong giai đoạn hiện nay và tạo sự đồng thuận cao trong việc tham gia thực hiện Chương trình, góp phần vào thành công chung trong thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

f) Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân: UBND tỉnh đã tổ chức các Đoàn công tác học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các tỉnh phía Bắc và Tây Nguyên; tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025...; ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022 về việc thực hiện Tiểu dự án 4: đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Công văn số 769/UBND-KGVX ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh ban hành danh mục chuyên đề đặc thù triển khai thực hiện Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (thuộc tiểu dự án 3 của dự án 10).

### **3. Đánh giá về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện Chương trình.**

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hàng năm ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2023; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 22/3/2023); thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình (Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 và Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 09/6/2023); trong năm 2022, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã kiểm tra tại các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng và một số xã của huyện; trong năm 2023 kiểm tra 08 huyện thực hiện Chương trình (gồm: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành) và một số xã của các huyện. Lãnh đạo UBND tỉnh cũng đã tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn các huyện Sơn Tây (năm 2022); huyện Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây (năm 2023). Năm 2023, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn các huyện và các Sở, ngành của tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì, thực hiện các dự án, tiểu dự án và các nội dung thành phần của Chương trình. Ngoài ra, các sở, ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện cũng đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các dự án, tiểu dự án và các nội dung thành phần của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

## **II. VỀ LẬP, PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN VỐN**

1. Đánh giá về lập, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện Chương trình hàng năm và trung hạn 5 năm giai đoạn và 2021-2025; trong đó làm rõ công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hàng năm: đã được các cơ quan, ban, ngành và các địa phương thực hiện Chương trình phối hợp, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình; hiện nay Chính phủ chưa giao kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 nên việc lập kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 từ vốn sự nghiệp gặp khó khăn.

- Về xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình: Ban Dân tộc tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 22/8/2022 thực hiện Chương trình năm 2022; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 21/02/2023 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

- Về xây dựng Kế hoạch đầu tư công thực hiện Chương trình:



+ HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết số 30/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2022.

+ UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình; Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện giao vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 từ nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình từ nguồn vốn ngân sách Trung ương; Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh; Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh

2. Đánh giá việc huy động, quản lý các khoản vay, vốn ODA để thực hiện Chương trình (nếu có); làm rõ kết quả đạt được, bất cập, hạn chế trong việc phân bổ, quản lý nguồn vốn này: Hiện nay, Chương trình chưa thực hiện được việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vốn ODA.

3. Đánh giá về cơ chế, chính sách, các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện phân bổ, giải ngân vốn thực hiện Chương trình. Nêu rõ thuận lợi, khó khăn, bất cập, hạn chế trong các văn bản quản lý tổ chức thực hiện phân bổ vốn thực hiện Chương trình: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN là Chương trình mới, nhiều nội dung khó thực hiện; nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai trong khi quy mô các nội dung chính sách lại nhỏ và có nhiều cơ quan tham gia chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Hơn nữa, đến cuối tháng 5/2022, Chính phủ mới giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của Chương trình và kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp năm 2022 cho địa phương nên việc tham mưu cấp có thẩm quyền giao Kế hoạch vốn cho các cơ quan đơn vị thực hiện chậm; hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện chưa được

hoàn thiện, nhiều nội dung chưa triển khai thực hiện được nên việc giải ngân vốn Chương trình đạt kết quả chưa cao.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Các kết quả đạt được**

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được trong 3 năm triển khai thực hiện Chương trình về các mặt: Công tác chỉ đạo điều hành/ tổ chức thực hiện/ xây dựng văn bản/lập thẩm định, phân bổ vốn bao hàm cả định giá ngân sách giới/tổ chức kiểm tra, giám sát, trợ giúp pháp lý...

Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Ban Dân tộc tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả chủ yếu: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2022. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022; ban hành các Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022...

UBND tỉnh đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; giao nhiệm vụ cho các sở, ngành có liên quan tham mưu triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (tại Công văn số 2842/UBND-KGVX ngày 13/6/2022). Đến nay, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách được quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, UBND tỉnh đã triển khai, giao nhiệm vụ cho các Sở ngành liên quan rà soát, tham mưu UBND ban hành hoặc trình HĐND tỉnh ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới để làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Về việc thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022, Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đạt tối thiểu đạt 10% trên tổng số lượng dự án đầu tư xây dựng trong các Chương trình. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực

hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Về cơ chế thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và theo tổ nhóm cộng đồng thuộc CTMTQG: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (tại Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 12/5/2023); UBND huyện các đã phê duyệt danh mục định hướng phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; các chủ đầu tư đang xây dựng hồ sơ các dự án liên kết (chuỗi giá trị, cộng đồng) để trình thẩm định, phê duyệt để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

## **2. Kết quả cụ thể đạt được theo các dự án, tiểu dự án.**

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 138.123 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển là 97.404 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 91.971 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 5.433 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 40.719 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 37.016 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 3.703 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện:

+ UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KGVX Ngày 19/10/2022 hướng dẫn quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách và Công văn số 5611/UBND-KGVX ngày 03/11/2022 áp dụng hạn mức giao đất ở để xây dựng nhà ở thuộc Dự án 1 - Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Đối với nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt: UBND các huyện đã triển khai thi công 43 công trình nước sinh hoạt tập trung (đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng 10 công trình, đang thi công 33 công trình; khối lượng các công trình đang thi công hoàn thành đạt khoảng 70%).

+ Đối với nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất: Ngày 24/6/2023, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, trong đó quy định cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia. Vì vậy, các địa phương chưa triển khai thực hiện nội dung này. Hiện nay, UBND các huyện đang triển khai thực hiện.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong năm 02 năm 2022 và 2023 là 57.728 triệu đồng, đạt 41,79%; trong đó: vốn đầu tư công là 57.535 triệu đồng, đạt 59,07% (gồm: ngân sách Trung ương là 55.112 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 2.424 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 193 triệu đồng, đạt 0,47% từ ngân sách Trung ương.

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giao trong năm 2022 và 2023 là 60.790 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 58.459 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 2.331 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện: Các huyện đã triển khai thi công 06 dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư (Minh Long 01 dự án; Ba Tơ 01 dự án; Sơn Hà 02 dự án; Sơn Tây 02 dự án); huyện Trà Bồng đang tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 03 dự án; Sơn Tây đang thực hiện chuẩn bị đầu tư 01 dự án; Ba Tơ đang tổ chức khảo sát lại cho 02 dự án.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong năm 2022 và 2023 là 24.881 triệu đồng, đạt 40,93% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 23.525 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.356 triệu đồng).

c) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

\* *Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 112.844 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 98.125 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 14.719 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện:

+ Năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng tại các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng và Minh Long với tổng diện tích là 63.567,3 ha (gồm: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 47.694,24 ha và Hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã là 15.873,01 ha).

+ Năm 2023, chưa thực hiện.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 25.317 triệu đồng, đạt 22,44% từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Trung ương.

- Khó khăn vướng mắc: do diện tích đăng ký hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ trên địa bàn các huyện là rừng trồng lại sau khi khai thác và các huyện điều chỉnh giảm. Do đó theo khoản 4, Điều 9, Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định “đối với diện tích được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho các hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ” gây khó khăn trong việc thực hiện theo kế hoạch.

\* *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.*

- Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN.

Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 164.319 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 149.141 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 15.178 triệu đồng).

+ Kết quả thực hiện:

Đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (tại Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 12/5/2023); UBND huyện các đã phê duyệt danh mục định hướng phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; các chủ đầu tư đang xây dựng hồ sơ các dự án liên kết (chuỗi giá trị, cộng đồng) để trình thẩm định, phê duyệt để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Đối với nội dung thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN:

Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN và Chương trình chấp cánh ước mơ khởi nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức 01 Hội nghị thông tin thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN; tổ chức, hỗ trợ các nhà đầu tư đi khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư ở vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh.

Sở Công thương tổ chức 03 hoạt động để các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS và MN tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa tại các tỉnh Đắk Nông, Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh;

Tỉnh đoàn đã tổ chức 02 phiên chợ kết nối sản phẩm tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Ba Tơ đã trưng bày, giới thiệu hơn 70 sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm địa phương của các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây và Câu lạc bộ Khởi nghiệp tỉnh, thu hút hơn 1.000 lượt ĐVTN và người dân đến tham quan, trải nghiệm và mua sắm; 05 Hội nghị tập huấn phát triển sản phẩm lên sàn thương mại điện tử và livestream bán hàng trực tuyến cho 475 Đoàn viên thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn các huyện miền núi và xây dựng 04 phóng sự quảng bá sản phẩm của Thanh niên khởi nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hội Nông dân tỉnh đã liên kết với Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế xây dựng Đề án “Đề xuất nội dung thực hiện thúc

đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi” năm 2023 tại 02 huyện Sơn Tây và Trà Bồng; xây dựng Kế hoạch phối hợp với Sở Công thương triển khai chương trình “tập huấn thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tham gia Hội chợ”.

+ Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 659 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp, đạt 0,4% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 618 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 41 triệu đồng).

\* Nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

- Tổng kế hoạch vốn giao cho UBND huyện Trà Bồng trong 02 năm 2022 và 2023 là 22.786 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển là 15.270 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 13.601 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.669 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 7.516 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 6.833 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 683 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện: UBND huyện Trà Bồng ban hành Kế hoạch số 72/UBND-KH 31/05/2023, triển khai nội dung "Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý" giai đoạn 2021-2025; ban hành Thông báo lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện Dự án "Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý (tại thông báo số 152/TB-UBND ngày 02/6/2023); tuy nhiên tại Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế yêu cầu phải trình HĐND tỉnh qua định nội dung hỗ trợ của dự án nên huyện Trà Bồng đã Thông báo tạm hoãn tiếp nhận hồ sơ đề xuất thực hiện dự án (tại Thông báo số 273/TB-UBND). Hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung nội dung này vào Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh

- Kết quả giải ngân: chưa giải ngân.

d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

\* *Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN.*

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 307.194 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển là 283.553 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 257.775 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 25.778 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 23.641 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 21.493 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 2.148 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện: UBND các huyện đã thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 236 công trình gồm: xây dựng, nâng cấp 169 công trình giao thông; 19 công trình thủy lợi; 08 công trình điện; 02 công trình chợ; 02 công trình nghĩa trang nhân dân; nâng cấp, sửa chữa 01 công trình đài truyền thanh xã; thực hiện xây dựng các điểm trường và các hạng mục tường rào, cổng ngõ, sân bê tông cho 15 công trình; xây mới, sửa chữa nâng cấp 20 công trình nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng. Đến nay, các công trình khởi công năm 2022 hầu hết đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; đối với các công trình năm 2023, đã thi công hoàn thành đạt khoảng 50% khối lượng thi công.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 176.072 triệu đồng, đạt 57,3% kế hoạch vốn giao; trong đó: vốn đầu tư công là 171.884 triệu đồng, đạt 60,6% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 161.467 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 10.376 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 4.188 triệu đồng, đạt 17,7% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 3.848 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 340 triệu đồng).

\* Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc: Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện vì không có đối tượng theo quy định tại tiểu dự án này.

e) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

\* *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS*

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 70.989 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công là 62.703 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 58.798 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 3.905 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 8.286 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 7.465 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 821 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện:

+ Phần nội dung do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện: năm 2022 đã đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất tại 4 trường THPT (đến nay có 02 dự án đã gửi hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành; 01 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, 01 dự án đang chờ ý kiến nghiệm thu của Sở Xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng), mua sắm 11 máy tính để bàn và 11 màn hình hiển thị cấp cho 09 trường THPT và tổ chức tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đối với 02 dự án đầu tư xây dựng mới năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đã trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu.

+ UBND các huyện đang triển khai thi công 14 công trình xây dựng mới, nâng cấp trường, lớp học.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 47.247 triệu đồng, đạt 66,5% kế hoạch vốn giao; trong đó: vốn đầu tư công là 46.782 triệu đồng, đạt 74,6% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 43.646 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 3.136 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 465 triệu đồng, đạt 5,6% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 404 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 61 triệu đồng).

\* *Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.*

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 10.890 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 9.679 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.211 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện:

+ Đối với nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số: Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 13 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 4 tại các huyện miền núi cho 339 học viên; đối với kế hoạch năm 2023, Ban Dân tộc tỉnh đã trình ủy quyền cho Ban Dân tộc tỉnh quyết định thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ công về Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh và đang xây dựng Kế hoạch để thực hiện.

+ Đối với nội dung số 01: Đào tạo đại học và sau đại học: UBND các huyện chưa triển khai thực hiện nội dung này.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 1.069 triệu đồng, đạt 9,81% kế hoạch vốn giao (nguồn ngân sách Trung ương).

\* *Khó khăn, vướng mắc:* UBND các huyện không thể thực hiện ký hợp đồng với các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học khi số lượng sinh viên theo học rất đa dạng ngành nghề và địa bàn học tập rộng khắp cả nước, UBND huyện cũng không có cơ sở hợp đồng theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, mặt khác Đào tạo đại học, sau đại học: Đối tượng hỗ trợ đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực là: “cơ sở giáo dục chuyên biệt, cơ sở giáo dục đại học” theo điểm b, khoản 5 mục II Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên không chi được khoản kinh phí cho người học.

\* *Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi*

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 44.667 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 40.413 triệu



*đồng, ngân sách tỉnh là 4.254 triệu đồng).*

- Kết quả thực hiện: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức 03 phiên giao dịch việc làm cho 1000 lượt người tại các huyện thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia; tổ chức 01 hội nghị tư vấn, giới thiệu việc làm. Năm 2023: thực hiện đặt hàng 05 số báo với các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn tỉnh tuyên truyền về chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hiện nay, các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đang tổ chức rà soát nhu cầu đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo nghề.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong năm 2022 và năm 2023 là 538 triệu đồng (*nguồn ngân sách Trung ương*), đạt 1,2% kế hoạch vốn giao.

*\* Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 16.313 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (*gồm: ngân sách Trung ương là 14.648 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.665 triệu đồng*).

- Kết quả thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh đã xây dựng 06 bộ tài liệu chuyên đề đặc thù của tỉnh để tổ chức tập huấn cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp; tổ chức 02 Đoàn tham quan học tập kinh nghiệm tại các tỉnh phía Bắc và Tây Nguyên cho 57 cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã và hộ dân tiêu biểu; tham mưu tổ chức 01 Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực Miền trung, Tây Nguyên và các tỉnh Đông Nam bộ. Các huyện chưa thực hiện.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 589 triệu đồng (*nguồn ngân sách Trung ương*), đạt 3,6% tổng kế hoạch vốn giao.

g) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 16.721 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công là 10.256 triệu đồng (*gồm: ngân sách Trung ương là 9.279 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 977 triệu đồng*); vốn sự nghiệp là 6.465 triệu đồng (*gồm: ngân sách Trung ương là 5.767 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 698 triệu đồng*).

- Kết quả thực hiện:

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện: Dự án Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt về Địa điểm Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; đối với dự án Đầu tư bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Kor tại huyện

Trà Bồng do vướng mắc các thủ tục liên quan nên chưa triển khai thực hiện; tổ chức liên hoan Công chiêng cấp huyện lần thứ 2,

+ UBND các huyện đã thực hiện sửa chữa 08 công trình nhà văn hóa thôn; tổ chức khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Ca Dong (huyện Sơn Tây); mua sắm vật dụng để bảo tồn các loại hình văn hoá vật thể của đồng bào dân tộc Ca Dong (huyện Sơn Tây); tổ chức mở 01 lớp truyền dạy về bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể; tổ chức 02 lớp truyền dạy dân ca cho Dân tộc Hre.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 3.956 triệu đồng, đạt 23,65% kế hoạch vốn giao; trong đó: vốn đầu tư công là 3.305 triệu đồng, đạt 32,23% kế hoạch giao (gồm: ngân sách Trung ương là 2.908 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 397 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 651 triệu đồng, đạt 10,07% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 529 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 122 triệu đồng).

h) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 9.850 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 8.914 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 936 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện: tổ chức 13 lớp tập huấn chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày cho 279 cán bộ y tế từ tuyến huyện đến cộng tác viên/Y tế thôn bản; tổ chức 01 lớp tập huấn các kiến thức về nâng cao chất lượng dân số cấp huyện, xã cho 80 viên chức; tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 268 cộng tác viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại 02 huyện Sơn Hà và Trà Bồng; tổ chức Hội nghị tập huấn cung cấp các thông tin về dân số và phát triển cho 231 cán bộ lãnh đạo, ngành, đoàn thể cấp huyện, xã; triển khai 12 lớp tập huấn cho 336 người về hướng dẫn đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 16 tuổi; tổ chức 06 lớp tập huấn cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ 2 tuổi cho 38 cán bộ chuyên trách huyện/xã và 169 CTV dinh dưỡng. Ngoài ra, hiện nay, Sở Y tế đã hoàn thành soạn thảo nội dung và đang thực hiện các quy trình, thủ tục để nhân bản, cấp phát băng đĩa tuyên truyền bằng tiếng Hre, Cor; tờ rơi tuyên truyền về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh...

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 1.599 triệu đồng, đạt 16,23% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 1.436 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 163 triệu đồng).

i) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Tổng kế hoạch vốn giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 23.393 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 21.077 triệu

*đồng, ngân sách tỉnh là 2.316 triệu đồng).*

- Kết quả thực hiện:

+ Hội Phụ nữ tỉnh đã thành lập 30 tổ truyền thông cộng đồng tại 30 thôn/6 huyện; thành lập mới và củng cố, nâng cao chất lượng 06 Địa chỉ tin cậy cộng đồng; tổ chức 02 hội nghị hướng dẫn thành lập và vận hành quản lý Tổ truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook...; 02 Hội nghị tuyên truyền xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới tại cơ sở; 02 hội nghị hướng dẫn đối thoại chính sách và giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn; 02 hội nghị cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực lồng ghép giới; 12 hội nghị cho cán bộ thôn, người có uy tín trong thôn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cộng đồng. Tổ truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng và truyền thông hướng dẫn xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook...;

+ UBND các huyện tổ chức các lớp tập huấn như: Hướng dẫn vận hành quản lý Tổ truyền thông theo Sổ tay hướng dẫn truyền thông cho khoảng 250 người; tập huấn nâng cao chất lượng địa chỉ tin cậy cộng đồng; tổ chức tuyên truyền Dự án 8 và xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới tại cơ sở cho khoảng 300 người; thành lập và ra mắt tổ truyền thông; tổ chức tập huấn đánh giá việc thực hiện Dự án 8; tổ chức 01 tập huấn nâng cao chất lượng địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ và bảo vệ phụ nữ trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình cho 70 người...

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 3.070 triệu đồng, đạt 13,12% kế hoạch vốn giao (*gồm: ngân sách Trung ương là 2.842 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 228 triệu đồng*).

k) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

*\* Tiểu Dự án 1; Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.*

- Tổng kế hoạch vốn đã được phân bổ để thực hiện trong năm 2022 và năm 2023 là 37.914 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (*gồm: ngân sách Trung ương là 34.467 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 3.447 triệu đồng*).

- Kết quả thực hiện: hiện nay Trung ương chưa hướng dẫn cơ chế “*Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt*” nên chưa triển khai thực hiện. Trong năm 2022, huyện Trà Bồng đã thực hiện: Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng và trang thiết bị về thiết chế văn hóa cho 04 nhà văn hóa: Thôn 1 Trà Giang; Thôn Trà Ngon, thôn Trường Giang, thôn Trường Biện, xã Trà Tân; hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; tổ chức 05 lớp học truyền dạy văn hóa

truyền thống tiêu biểu của dân tộc Co tại thôn trên địa bàn các xã và xây dựng 13 cụm pano tuyên truyền.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và là 2.020 triệu đồng nguồn vốn sự nghiệp, đạt 5,33% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 1.948 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 72 triệu đồng).

\* *Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.*

- Tổng kế hoạch vốn đã được phân bổ để thực hiện trong năm 2022 và năm 2023 là 6.193 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 5.592 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 601 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện: Tổ chức 05 hội nghị phổ biến, tuyên truyền giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên, những tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại Trường THCS DTNT ở các huyện miền núi; phối hợp với huyện Sơn Tây, Trường THPT DTNT tỉnh tổ chức các Hội thi tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 760 triệu đồng, đạt 12,27% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 742 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 18 triệu đồng).

1) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

\* *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG.*

- Tổng kế hoạch vốn đã được phân bổ để thực hiện trong 02 năm 2022 và 2023 là 8.734 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 7.797 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 937 triệu đồng).

- Tình hình thực hiện:

+ Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín:

Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 về việc cấp loại phương tiện, hình thức, điều kiện, đối tượng nhận hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2023 – 2025; ban hành Kế hoạch tổ chức tổ chức Đoàn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi đi tham quan, học tập năm 2023. Ban Dân tộc tỉnh tổ chức đón tiếp và làm việc với Đoàn người có uy tín tỉnh Bình Định đến tham quan học tập kinh nghiệm; thực hiện thăm hỏi động viên tinh thần cho 04 người có uy tín trong đồng bào DTTS bị ốm đau theo chế độ. Đến nay, hầu

hết các huyện mới ban hành kế hoạch năm 2023, chưa thực hiện giải ngân kinh phí năm 2023. UBND các huyện thực hiện cấp báo cho người có uy tín trong đồng bào DTTS; tặng quà tết cho người có uy tín; UBND các huyện Minh Long, Trà Bồng đã tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin cho người có uy tín.

+ Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số: Tổ chức 04 lớp tập huấn cho 130 người tham dự là phụ nữ, người có uy tín, đoàn thanh niên, trưởng thôn. Biên soạn tài liệu để cấp phát tài liệu tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đại biểu tham dự các lớp tập huấn; tổ chức truyền thông chương trình mục tiêu, vận động người dân thông qua báo chí, đưa tin truyền hình: thực hiện 05 phóng sự bằng tiếng Kinh, Hre, Co trên sóng Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; thực hiện đưa tin, tuyên truyền về Chương trình trên Báo Quảng Ngãi, Báo Đầu tư và Thương mại; truyền thông chương trình chấp cánh ước mơ; tuyên truyền thông qua hoạt động đưa tin, bài, tại cổng thông tin điện tử của Ban Dân tộc tỉnh; lắp đặt 02 tấm pano tuyên truyền Chương trình mục tiêu tại huyện Sơn Hà và huyện Ba Tơ,...

+ Nội dung 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động: Sở Tư pháp đã tổ chức 29 đợt truyền thông; tư vấn hơn 30 vụ việc cho người dân có yêu cầu TGPL; tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản một số Luật liên quan đến lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp, hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình...; đặt bảng tin về TGPL tại UBND các xã, thị trấn, nhà văn hóa các thôn; cấp phát sổ tay hỏi đáp pháp luật về hoạt động TGPL cho người dân; biên soạn, in hơn 950 quyển sổ tay hỏi đáp pháp luật về TGPL, 4500 tờ gấp hỏi đáp pháp luật về các lĩnh vực khiếu nại, hôn nhân gia đình và hộ tịch để cấp phát cho người dân; biên soạn in ấn hàng trăm phần tài liệu tập huấn phục vụ tập huấn TGPL điểm, chuyên đề về TGPL cho người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở vùng dân tộc thiểu số, nội dung tài liệu, sổ tay đúng với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân, đã giúp họ dễ đọc, dễ tìm hiểu nâng cao nhận thức về pháp luật, đưa pháp luật đến gần hơn với cuộc sống của người dân.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 1.142 triệu đồng, đạt 13,08% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương là 1.128 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 14 triệu đồng).

\* *Tiểu dự án 2; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN*

- Tổng kế hoạch vốn trong 02 năm 2022 và 2023 là 14.617 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công là 12.110 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 10.949 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.161 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 2.507 triệu đồng (gồm: ngân sách Trung ương là 2.230 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 277 triệu đồng).

- Tình hình thực hiện:

+ Đối với nội dung Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình: ngày 12/05/2023, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc mới ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBND phê duyệt ”Đề án chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025”; hiện nay, Ban Dân tộc tỉnh đang xây dựng Kế hoạch, lấy ý kiến các đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh ban hành để triển khai thực hiện.

+ Đối với nội dung Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự: ngày 30/5/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông mới ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong tiểu dự án 1 và tiểu dự án 2, dự án 10. Sở Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện nội dung này (tại Công văn số 1026/STTTT-BCVT&CNTT ngày 12/6/2023 và Công văn số 1114/STTTT-BCVT&CNTT ngày 22/6/2023); hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

+ Đối với nội dung Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã tổ chức Đoàn công tác đi học tập tại tỉnh Lâm Đồng cho 24 cán bộ quản lý của 23 HTX; tổ chức 03 Hội thảo ứng dụng công nghệ số trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong HTX vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh năm 2023 tại các huyện Sơn Tây, Ba Tơ, Trà Bồng.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 205 triệu đồng vốn sự nghiệp (nguồn ngân sách Trung ương), đạt 1,4% kế hoạch vốn giao; vốn đầu tư phát triển của giải ngân.

\* Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tổng kế hoạch vốn đã giao trong 02 năm 2022 và 2023 là 3.695 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (gồm: ngân sách Trung ương là 3.293 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 402 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện: Năm 2022, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã tổ chức kiểm tra tại huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng và một số xã của huyện; năm 2023 Đoàn kiểm tra của tỉnh thực hiện 02 đợt kiểm tra trên địa bàn 08 huyện thực hiện Chương trình; Ban Dân tộc tỉnh cũng đã ban hành kế hoạch kiểm tra tại 08 huyện thực hiện Chương trình đối với các dự án, tiểu dự án và nội dung thành phần do Ban Dân tộc được giao nhiệm vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện. Ngoài ra, các Sở, ngành và UBND các huyện cũng đã tổ chức kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Kết quả giải ngân: Tổng vốn đã ngân trong 02 năm 2022 và 2023 là 417 triệu đồng, đạt 11,29% kế hoạch vốn giao (gồm: ngân sách Trung ương

là 398 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 19 triệu đồng).

**3. Những tồn tại và khó khăn, vướng mắc:** Bên cạnh những thuận lợi và những kết quả đã đạt được thì vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như:

- Ngày 26/3/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; một số bộ ngành Trung ương ban hành các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình; vì vậy phải rà soát, điều chỉnh các văn bản của tỉnh đã ban hành để phù hợp với quy định của Trung ương.

- Cơ chế đặc thù thanh toán nguồn vốn đầu tư phát triển hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân không hình thành dự án đầu tư của các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất vừa được ban hành tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP nên các địa phương chưa thực hiện nội dung hỗ trợ này. Tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 15/2022/TT-BTC không quy định việc cấp phát, thanh toán nội dung hỗ trợ vật dụng dẫn nước gây khó khăn cho các địa phương trong triển khai thực hiện.

- Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dược liệu giải ngân sau đầu tư, chu kỳ hỗ trợ cho cả giai đoạn nên khó khăn trong việc giải ngân kế hoạch vốn hàng năm.

- Ủy ban Dân tộc chưa ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4; chưa ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; ngày 18/4/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số; tuy nhiên, Ủy ban Dân tộc chưa ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số nên không thể triển khai thực hiện được.

- Nội dung số 02, tiểu dự án 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Theo khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học (*chưa phù hợp với quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg*); đối tượng dự bị đại học tại địa phương rất ít, sinh viên theo học rất đa dạng ngành nghề và địa bàn học tập rộng khắp cả nước nên rất khó khăn trong việc ký hợp đồng các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học; UBND huyện cũng không có cơ sở hợp đồng theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; đồng thời việc dùng ngân sách huyện (*ngân sách Trung ương đã hỗ trợ có mục tiêu ngân sách huyện*) để chi cho cơ sở giáo dục ngoài địa bàn chưa phù hợp với Khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

- Nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện nội dung đào tạo nghề lớn, trong khi đó, số lượng có nhu cầu đào tạo nghề rất thấp và đăng ký nhỏ, lẻ ở các ngành

nghe, nên gây khó khăn cho việc hợp đồng với cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: hiện nay Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp để tổ chức thực hiện.

- Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cơ chế “*Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt*”. Ngày 21/6/2023, Ủy ban Dân tộc đã có Công văn số 1017/UBNDT-DTTS chỉ đạo tạm dừng thực hiện nội dung này.

- Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến; không quy định việc đón tiếp các đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS đến thăm và làm việc theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg.

- Ủy ban Dân tộc và Bộ Thông tin và Truyền thông mới ban hành Đề án, Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN nên hiện nay địa phương mới bắt đầu triển khai thực hiện.

- Tiến độ thực hiện Chương trình còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn trong 02 năm 2022 và 2023 chỉ đạt 32,45% kế hoạch vốn giao; trong đó vốn đầu tư phát triển đạt 56,14% và vốn sự nghiệp đạt 8,12% kế hoạch vốn giao.

- Hầu hết các địa phương chưa bố trí vốn đối ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

#### **4. Nguyên nhân**

##### **a) Nguyên nhân khách quan**

- Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, bao gồm 10 dự án, 14 tiểu dự án và các nội dung thành phần; do đó, Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai thực hiện; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện, văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chưa kịp thời, chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản; do đó, dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

- Hiện nay, Trung ương đã, đang ban hành các văn bản điều chỉnh, bổ sung, thay thế các văn bản hướng dẫn đã ban hành trước đây nên tỉnh phải rà soát lại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh cho phù hợp và sẽ mất nhiều thời gian, gián đoạn trong tổ chức thực hiện Chương trình.

- Chương trình được thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào



dân tộc thiểu số và miền núi, nơi có xuất phát điểm thấp về phát triển - xã hội; trong những năm qua, mặc dù tình hình kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn phát triển chậm, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao, công tác giảm nghèo còn thiếu bền vững, chất lượng nguồn nhân lực thấp, đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, còn tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội.

- Vốn sự nghiệp không được thông báo cho cả giai đoạn 2021 - 2025 mà chỉ thông báo từng năm nên cũng gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

*b) Nguyên nhân chủ quan*

- Các sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần chưa tích cực trong việc đôn đốc triển khai thực hiện; một số đơn vị chưa giải quyết, tham mưu giải quyết những vướng mắc của địa phương trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Đội ngũ cán bộ tham mưu thực hiện Chương trình ở một số địa phương còn thiếu, chưa chủ động tham mưu, đề xuất giải quyết những vướng mắc khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình. Ngoài ra, chưa nắm chắc nội dung các văn bản, quy định về Chương trình nên công tác tham mưu xây dựng kế hoạch chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện còn chưa kịp thời, hiệu quả.

- Việc rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện của các huyện ở một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần chưa sát thực tế dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức thực hiện và giải ngân vốn; chưa có giải pháp để đổi mới cách làm nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình, nhất là đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và sản xuất theo cộng đồng.

- Công tác tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình chưa thường xuyên và hiệu quả, chưa có những giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

### **Phần 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **I. GIẢI PHÁP**

- Hoàn thiện hồ sơ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình HĐND tỉnh ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định đã được ban hành cho phù hợp với các văn bản điều chỉnh, bổ sung, thay thế của Trung ương, nhất là Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến việc các vướng mắc cần thiết,

bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Thực hiện rà soát, tổng hợp trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn thực hiện Chương trình năm 2022 và năm 2023 nhằm đảm bảo giải ngân vốn của Chương trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch đề ra; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn.

- Các sở ngành có liên quan của tỉnh và UBND các huyện tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh giải quyết hoặc kiến nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh; đánh giá, tham mưu HDND tỉnh, UBND tỉnh kịp thời ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết, các quy định cho phù hợp với các văn bản điều chỉnh, bổ sung của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ cập nhật các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành (hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành) các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Chương trình MTQG phát triển KT -XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình năm 2023 theo quy định.

- Tăng cường mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc và các Sở, ngành, UBND các huyện trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG và các chính sách dân tộc. Tăng cường công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện các Chương trình, các chính sách dân tộc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, vai giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

## II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu Chính phủ thông báo kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 cho các địa phương để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình, nhất là các nội dung hỗ trợ thực hiện các dự án có chu kỳ hỗ trợ dài như hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

2. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc:

- Trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung nội dung hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất đối với các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

- Ban hành tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; ban hành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp theo Chương trình khung được quy định tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban Dân tộc.

- Điều chỉnh khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng; hướng dẫn quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo thuộc nội dung đào tạo đại học, sau đại học của tiểu dự án 2, dự án 5.

- Hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức vốn cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung: *“Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt”* thực hiện Dự án 9.

- Hướng dẫn tiêu chí xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến thuộc nội dung số 01, tiểu dự án 1, dự án 10.

- Sớm đưa vào vận hành hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình theo Điều 7, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có một số thôn đáp ứng tiêu chí là thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định tại Quyết định số

33/2020/QĐ-TTg) nhưng không đáp ứng tiêu chí là thôn ĐBKK; các thôn này chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt là thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để làm cơ sở thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc; kính đề nghị Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn thuộc vùng đồng bào DTTD và miền núi để thực hiện các chính sách dân tộc.

### 3. Kính đề nghị Bộ Tài chính

- Tại điểm a, khoản 5, Điều 14, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính quy định “*Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ hội gắn thương mại với du lịch: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hóa đơn, chứng từ hợp pháp*”; tuy nhiên, đối chiếu tại Điều 4 của Thông tư này không quy định các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và các mức chi cho các hoạt động này; kính đề nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung chi và mức chi hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư hoặc cho phép áp dụng nội dung chi và mức chi tại Thông tư số 80/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Bổ sung nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý để cơ quan quản lý các dự án này có kinh phí để thực hiện (*nhất là chi cho các hoạt động thẩm định dự án*).

- Bổ sung quy định việc “đón tiếp” các đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS cho phù hợp với quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bổ sung quy định nội dung quản lý thực hiện Chương trình vào Tiểu dự án 3, Dự án 10 và cho phép sử dụng kinh phí này để chi cho các hoạt động: Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ Chương trình.

Ban Dân tộc tỉnh kính báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thế Nhân**